



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

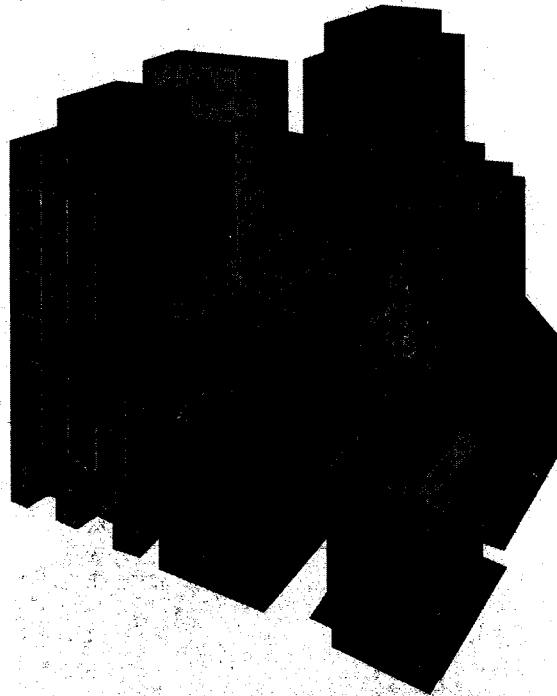
☎ : 550 Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Quận Bình Tân Tp.HCM

☎ : 38753021

Fax: 38753552

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2015

Kết thúc ngày: 31/03/2015



TP.Hồ Chí Minh

Tháng 05/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý: 1/2015

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2		3	4
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140)	100		2.311.858.355.729	2.286.485.553.223
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		106.740.009.590	82.201.886.893
1. Tiền	111		3.620.114.290	908.491.593
2. Các khoản tương đương tiền	112		103.119.895.300	81.293.395.300
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65.245.584.412	76.983.353.888
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		65.330.458.827	76.944.163.493
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		547.007.200	651.547.948
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		935.285.355	954.809.417
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.567.166.970)	(1.567.166.970)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		2.132.610.471.598	2.120.217.509.259
1. Hàng tồn kho	141		2.132.610.471.598	2.120.217.509.259
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.262.290.129	7.082.803.183
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.947.800.328	3.968.580.116
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.354.213.235	2.241.270.726
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		960.276.566	872.952.341
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		860.308.705.603	870.702.365.460
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		159.646.933.535	168.569.167.844
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		129.928.195.531	138.753.462.910
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		7.776.783.885	7.776.783.885
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		29.727.954.119	29.824.921.049
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(7.786.000.000)	(7.786.000.000)
II. Tài sản cố định	220		26.399.381.644	27.405.260.226
1. Tài sản cố định hữu hình	221		26.325.966.593	27.324.733.093
- Nguyên giá	222		75.030.189.625	75.030.189.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.704.223.032)	(47.705.456.532)

Nội dung	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2		3	4
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		73.415.051	80.527.133
- Nguyên giá	228		1.645.748.781	1.645.748.781
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.572.333.730)	(1.565.221.648)
III. Bất động sản đầu tư	230		93.647.216.608	94.400.871.519
- Nguyên giá	231		150.001.804.114	150.001.804.114
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(56.354.587.506)	(55.600.932.595)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		211.020.989.499	211.020.989.499
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		211.020.989.499	211.020.989.499
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		368.456.472.391	368.417.938.506
1. Đầu tư vào công ty con	251		297.000.000.000	297.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		81.257.440.060	81.257.440.060
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.135.455.455	3.135.455.455
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(12.936.423.124)	(12.974.957.009)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.137.711.926	888.137.866
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		881.648.802	616.712.251
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		223.137.362	238.499.853
3. Tài sản dài hạn khác	268		32.925.762	32.925.762
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.172.167.061.332	3.157.187.918.683
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.504.751.619.647	1.513.696.343.623
I. Nợ ngắn hạn	310		334.848.027.095	446.818.148.675
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		14.630.314.921	17.041.622.164
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		214.635.923	1.925.605.688
4. Phải trả người lao động	314		4.654.394.429	10.771.560.889
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		7.059.971.311	5.508.457.108
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		193.096.075.855	191.283.500.967
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		89.415.315.745	109.431.725.041
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		24.441.934.042	107.009.112.858
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.335.384.869	3.846.563.960
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		1.169.903.592.552	1.066.878.194.948
1. Phải trả người bán dài hạn	331		51.977.755.999	52.751.981.432
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		102.539.000	102.539.000
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		102.795.630.745	104.981.865.459
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		402.188.395.544	403.982.580.210
7. Phải trả dài hạn khác	337		168.997.431.722	168.547.594.797
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		443.841.839.542	336.511.634.050
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			

Nội dung	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2		3	4
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		1.667.415.441.685	1.643.491.575.060
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.667.415.441.685	1.643.491.575.060
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		722.670.000.000	722.670.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	41A		722.670.000.000	722.670.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	41B			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		610.750.058.000	610.750.058.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỉ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		231.349.402.028	231.349.402.028
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn sở hữu	420		12.332.000.000	12.332.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		90.313.981.657	66.390.115.032
- Lũy kế đến cuối kỳ trước	42A		66.390.115.032	794.427.145
- Kỳ này	42B		23.923.866.625	65.595.687.887
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.172.167.061.332	3.157.187.918.683

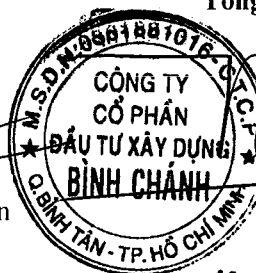

Tp.HCM, ngày 15 tháng 5 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Kim Phụng

Nguyễn Dương An

Nguyễn Thụy Nhân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ 1 NĂM 2015

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Quý 1/15	Quý 1/14	Năm 2015	Năm 2014
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.22	22.098.938.088	73.623.396.844	22.098.938.088	73.623.396.844
2.	Các khoản giảm trừ	02		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		22.098.938.088	73.623.396.844	22.098.938.088	73.623.396.844
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.23	9.093.714.066	52.410.228.401	9.093.714.066	52.410.228.401
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.005.224.022	21.213.168.443	13.005.224.022	21.213.168.443
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	23.795.595.750	2.918.453.864	23.795.595.750	2.918.453.864
7.	Chi phí tài chính	22	VI.25	3.062.769.325	2.673.359.275	3.062.769.325	2.673.359.275
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		3.084.590.329	2.391.561.783	3.084.590.329	2.391.561.783
8.	Chi phí bán hàng	25		343.248.516	757.644.199	343.248.516	757.644.199
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.26	9.600.307.054	10.129.875.544	9.600.307.054	10.129.875.544
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.794.494.877	10.570.743.289	23.794.494.877	10.570.743.289
11.	Thu nhập khác	31	VI.27	144.734.239	247.449.017	144.734.239	247.449.017
12.	Chi phí khác	32	VI.28	-	-	-	-
13.	Lợi nhuận khác	40		144.734.239	247.449.017	144.734.239	247.449.017
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.939.229.116	10.818.192.306	23.939.229.116	10.818.192.306
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-	-	-
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(15.362.491)	-	(15.362.491)	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.923.866.625	10.818.192.306	23.923.866.625	10.818.192.306
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập



Nguyễn Kim Phụng

Kế toán trưởng



Nguyễn Dương An



TP. HCM, ngày 15 tháng 5 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thụy Nhân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Quý 1 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Quý 1/15	Quý 1/14
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		44.035.577.495	26.373.021.323
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(9.744.509.889)	(21.890.018.315)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(10.504.710.648)	(12.376.400.094)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(9.707.789.998)	(23.444.327.099)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(131.613.588)	(1.661.357.962)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		27.494.200.679	39.029.618.422
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(44.147.046.399)	(23.666.226.460)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.705.892.348)	(17.635.690.185)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, NBán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20.800.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.627.698.369	2.135.200.846
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.827.698.369	2.135.200.846
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		115.026.937.227	1.471.531.987
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(90.610.620.551)	(22.325.653.327)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(55.593.998.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		24.416.316.676	(76.448.119.740)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		24.538.122.697	(91.948.609.079)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		82.201.886.893	173.675.445.273
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		106.740.009.590	81.726.836.194

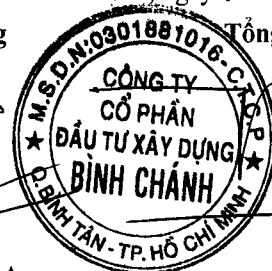
TP.HCM, ngày 15 tháng 5 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc






Nguyễn Kim Phụng

Nguyễn Dương An

Nguyễn Chuy Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	722.670.000.000	610.750.058.000	142.313.571.835	79.468.705.155	12.332.000.000	90.090.909.713	1.657.625.244.703
Tăng vốn trong năm							-
Lợi nhuận trong năm trước		-	-	-		65.595.687.887	65.595.687.887
Trích lập các quỹ trong năm trước		-	-	-		(72.267.000.000)	(72.267.000.000)
Chia cổ tức năm trước		-	4.783.562.519	4.783.562.519		(9.567.125.038)	-
Chia lãi hợp tác đầu tư						-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi						(7.462.357.530)	(7.462.357.530)
Số dư cuối năm trước	722.670.000.000	610.750.058.000	147.097.134.354	84.252.267.674	12.332.000.000	66.390.115.032	1.643.491.575.060
Số dư tại ngày 31/12/14	722.670.000.000	610.750.058.000	147.097.134.354	84.252.267.674	12.332.000.000	66.390.115.032	1.643.491.575.060
Tăng vốn trong năm							-
Lợi nhuận trong năm		-	-	-		23.923.866.625	23.923.866.625
Chia cổ tức		-	-	-			-
Trích lập các quỹ trong năm		-					-
Chia lãi hợp tác đầu tư							-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành							-
Số dư cuối năm nay	722.670.000.000	610.750.058.000	147.097.134.354	84.252.267.674	12.332.000.000	90.313.981.657	1.667.415.441.685

Người lập

Nguyễn Kim Phụng

Kế toán trưởng

Nguyễn Dương An

TP.HCM, ngày 5 tháng 5 năm 2015

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thụy Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, địa ốc
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Xây dựng cơ bản; kinh doanh nhà ở, đất ở; kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, tư vấn xây dựng, san lấp mặt bằng.
4. **Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:** 1 năm
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
6. **Cấu trúc doanh nghiệp**
 - Danh sách công ty con:
 - + Công ty Cổ phần BCI
 - + Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI
 - Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:
 - + Công ty CP Đầu tư và BĐS Sài Gòn Châu Á
 - + Công ty TNHH Cao Ốc Xanh
 - + Công ty TNHH TM & DV Siêu thị Big C An Lạc
7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:** có thể so sánh.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm 2015 là năm tài chính thứ 16 của Công ty.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam .
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 7

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng: theo thời gian còn lại của dự án kể từ khi khai thác.

Nhà xưởng: từ 10 – 20 năm.

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4-5 năm.

Chứng nhận ISO

Là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để có chứng nhận ISO. Chi phí này được khấu hao trong 10 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Hoạt động liên doanh

Lợi ích của Công ty trong những hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được ghi nhận vào Báo cáo tài chính bằng cách phân bổ phần của Công ty trong tài sản, công nợ, thu nhập và chi phí vào những khoản mục tương ứng.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế, đối với hoạt động chuyên quyền sử dụng đất công ty phải đóng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014: 21.373,33 VND/USD
31/03/2015: 21.458.00 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất, nhà ghi nhận khi công ty có biên bản bàn giao nền và nhà.

Doanh thu cho thuê đất tại khu công nghiệp Lê Minh Xuân:

Đối với hoạt động cho thuê đất tại khu giai đoạn I và bán xưởng: Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện.

Đối với hoạt động cho thuê đất tại khu giai đoạn II và khu tiêu thụ công nghiệp: Công ty ghi nhận là doanh thu nhận trước khi thu tiền trả trước và phát hành hoá đơn, sau đó phân bổ vào doanh thu trong kỳ theo thời gian còn lại của dự án kể từ năm cho thuê.

Doanh thu khác: Ghi nhận khi hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	62.818.234	44.829.365
Tiền gửi ngân hàng	3.557.296.056	863.662.228
Các khoản tương đương tiền	103.119.895.300	81.293.395.300
Cộng	106.740.009.590	82.201.886.893

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc dưới ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và hưởng tiền lãi với lãi suất khoảng 4,3%/năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính

- Chứng khoán kinh doanh
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần BCI	286.000.000.000	11.901.207.669	274.098.792.331	286.000.000.000	11.959.631.554	274.040.368.446
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	11.000.000.000		11.000.000.000	11.000.000.000		11.000.000.000
Cộng	297.000.000.000	11.901.207.669	285.098.792.331	297.000.000.000	11.959.631.554	285.040.368.446

Đầu tư công ty liên doanh, liên kết:	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Đầu tư và BĐS Sài Gòn Châu Á	4.000.000.000		4.000.000.000	4.000.000.000		4.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đầu tư công ty liên doanh, liên kết:	Số cuối quý		Số đầu năm	
Công ty TNHH Cao Ốc Xanh	20.060.312.372	20.060.312.372	20.060.312.372	20.060.312.372
Công ty TNHH TM & DV Siêu thị Big C An Lạc	57.197.127.688	57.197.127.688	57.197.127.688	57.197.127.688
Cộng	81.257.440.060	81.257.440.060	81.257.440.060	81.257.440.060

Đầu tư vào đơn vị khác	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Phát Triển nhà Thủ Đức	1.312.145.455	1.035.215.455	276.930.000	1.312.145.455	1.015.325.455	296.820.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp HCM	123.310.000		123.310.000	123.310.000		123.310.000
Đầu tư dài hạn khác	1.700.000.000		1.700.000.000	1.700.000.000		1.700.000.000
Cộng	3.135.455.455	1.035.215.455	2.100.240.000	3.135.455.455	1.015.325.455	2.120.130.000

3. Phải thu khách hàng**a. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Khách hàng mua đất nền, căn hộ chung cư các dự án	61.574.705.229	74.606.840.058
Các khoản phải thu khác		
Các khoản phải thu của KCN Lê Minh Xuân	3.755.753.598	2.337.323.435
Cộng	65.497.335.778	76.944.163.493

b. Phải thu khách hàng dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Khách hàng mua đất nền, căn hộ chung cư các dự án	127.527.318.580	135.962.159.410
Các khoản phải thu khác	2.400.876.951	157.303.500
Các khoản phải thu của KCN Lê Minh Xuân		2.634.000.000
Cộng	129.928.195.531	138.753.462.910

4. Các khoản phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Các khoản phải thu khác	142.495.030	417.287.522
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	168.325.117	115.638.009
Phải thu tiền lãi Sở Tài Chính – KCN LMX	624.465.208	537.521.895

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	935.285.355	1.070.447.426
-------------	--------------------	---------------

b. Dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải thu khác	29.727.954.119	29.709.283.040
Cộng	29.727.954.119	29.709.283.040

5. Tài sản thiếu chờ xử lý**6. Nợ xấu****7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng	2.119.322.518.969		2.106.870.672.481	
Chi phí xây dựng công trình dở dang	251.635.268		251.635.268	
Hàng hóa bất động sản	12.715.218.796		12.715.218.796	
Nguyên nhiên vật liệu	321.098.565		379.982.714	
Cộng	2.132.610.471.598		2.120.217.509.259	

8. Tài sản dở dang dài hạn

	Số đầu năm	Lũy kế chi phí phát sinh trong kỳ	Lũy kế chi phí kết chuyển TSCĐ, giá vốn, duy tu, trả trước dài hạn	Số cuối quý
Mua sắm TSCĐ (1)				
XDCB dở dang (2)	211.020.989.499	448.138.547	(448.138.547)	211.020.989.499
- Trụ sở Công ty BCCI	282.392.726			282.392.726
- KCN Lê Minh Xuân	210.659.425.659	448.138.547	(448.138.547)	210.659.425.659
- Công trình khác	79.171.114			79.171.114
Tổng cộng (1+2)	211.020.989.499	448.138.547	(448.138.547)	211.020.989.499

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nhóm TSCĐ	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Nhà cửa vật kiến trúc	Cộng tài sản hữu hình
Chỉ tiêu					
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	37.959.086.674	10.520.713.433	2.121.067.279	24.429.322.239	75.030.189.625
2. Số tăng trong kỳ					
Trong đó:					
- Mua sắm mới					
- Đầu tư XD CB hoàn thành					
3. Số giảm trong kỳ					
- Thanh lý, nhượng bán, khác					
4. Số cuối kỳ	37.959.086.674	10.520.713.433	2.121.067.279	24.429.322.239	75.030.189.625
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu năm	28.277.772.617	8.693.528.370	2.121.067.279	8.613.088.266	47.705.456.532
2. Số tăng trong kỳ	495.730.173	257.757.717		245.278.610	998.766.500
3. Số giảm trong kỳ					
- Thanh lý, nhượng bán, khác					
4. Số cuối kỳ	28.773.502.790	8.951.286.087	2.121.067.279	8.858.366.876	48.704.223.032
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	9.681.314.057	1.827.185.063		15.816.233.973	27.324.733.093
2. Số cuối kỳ	9.185.583.884	1.569.427.346		15.570.955.363	26.325.966.593

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu, hàng hóa	Bản quyền ISO	Phần mềm vi tính	Cộng tài sản vô hình
Chỉ tiêu						
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm				331.744.151	1.314.004.630	1.645.748.781
2. Số tăng trong kỳ						
Trong đó:						
- Mua sắm mới						

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đầu tư XDCB hoàn thành				
3. Số giảm trong kỳ				
- Thanh lý, nhượng bán, khác				
4. Số cuối kỳ			331.744.151	1.314.004.630
II. Giá trị hao mòn				
1. Số dư đầu năm			331.744.151	1.233.477.497
2. Số tăng trong kỳ				7.112.082
3. Số giảm trong kỳ				
- Thanh lý, nhượng bán, khác				
4. Số cuối kỳ			331.744.151	1.240.589.579
III. Giá trị còn lại				80.527.133
1. Số đầu năm				73.415.051
2. Số cuối kỳ			331.744.151	1.314.004.630

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Nhóm BĐS	Nhà xưởng	Cơ sở hạ tầng	Tổng cộng
Chỉ tiêu			
I. Nguyên giá	7.146.210.413	142.855.593.701	150.001.804.114
Số đầu năm			
Số tăng trong kỳ (lũy kế)			
Số giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	7.146.210.413	142.855.593.701	150.001.804.114
II. Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.758.161.476	49.842.771.119	55.600.932.595
Số tăng trong kỳ (lũy kế)	31.546.567	722.108.344	753.654.911
Số giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	5.789.708.043	50.564.879.463	56.354.587.506
III. Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.388.048.937	93.012.822.582	94.400.871.519
Số cuối kỳ	1.356.502.370	92.290.714.238	93.647.216.608

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

b. Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	881.648.802	616.712.251
Cộng	881.648.802	616.712.251

14. Tài sản khác

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

a. Ngắn hạn		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế GTGT được khấu trừ	3.947.800.328	3.968.580.116
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	2.354.213.235	2.241.270.726
Tạm ứng CBCNV Cty + LMX	960.276.566	872.952.341
Cộng	7.262.290.129	7.082.803.183

b. Dài hạn		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	223.137.362	238.499.853
Tài sản khác	32.925.762	32.925.762
Cộng	256.063.124	271.425.615

15. Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay ngắn hạn**

	Cuối quý		Trong quý		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
VPBank- CN TPHCM - HĐ 14, 17/1/14	22.721.934.042	22.721.934.042	7.266.731.735	2.310.110.551	17.765.312.858	17.765.312.858
Vay dài hạn đến hạn trả HĐ 6063, 30/10/98			346.710.000	87.870.510.000	87.523.800.000	87.523.800.000
Công ty ĐTTC Nhà nước TP. Hồ Chí Minh HĐ17-27/5/2010	1.720.000.000	1.720.000.000			1.720.000.000	1.720.000.000
Cộng	24.441.934.042	24.441.934.042	7.613.441.735	90.180.620.551	107.009.112.858	107.009.112.858

b. Vay dài hạn

	Cuối quý		Trong quý		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty ĐTTC Nhà nước TP. Hồ Chí Minh HĐ17-27/5/2010	2.181.915.000	2.181.915.000		430.000.000	2.611.915.000	2.611.915.000
Vay NH Quân Đội HĐ89 - 26/06/14 An Lạc Plaza	131.932.448.535	131.932.448.535			131.932.448.535	131.932.448.535
Vay NH Quân Đội HĐ90 - 26/06/14 11A + KDC Tân Tạo	150.000.000.000	150.000.000.000			150.000.000.000	150.000.000.000
Vay Sacombank - PGD Bình Tân	73.727.476.007	73.727.476.007	21.760.205.492		51.967.270.515	51.967.270.515
Sacombank - PGD Bình Tân (LD1502100187 - 21/01/2015)	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000			
Sacombank - PGD Bình Tân (LD1502100188 -	46.000.000.000	46.000.000.000	46.000.000.000			

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21/01/2015)						
Cộng	443.841.839.542	443.841.839.542	107.760.205.492	430.000.000	336.511.634.050	336.511.634.050

c. Các khoản nợ thuê tài chính

d. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

e. Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

- Khoản vay ngắn hạn tại VPBank- CN TPHCM, hợp đồng số HĐ 14 ngày 17/1/14. Đây là khoản vay tín chấp để bổ sung vốn lưu động, có hạn mức là 50 tỷ đồng và lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn theo quy định của VPBank + biên độ 2%/năm.
- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội với hạn mức 175 tỷ đồng theo HĐ 331.09.701.479633 ngày 21/12/2009 được sử dụng để thực hiện đầu tư dự án “Xây dựng chung cư Tân Tạo 1”. Lãi suất đang áp dụng là lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + biên độ 3,5%/ năm. Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất tại phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp. HCM để đảm bảo cho khoản vay này.
- Khoản vay Công ty Đầu Tư Tài Chính Nhà Nước TPHCM với hạn mức là 10.351.915.000 đồng, theo HĐ 17 ngày 27/5/2010 được sử dụng để thực hiện đầu tư dự án “Xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Lê Minh Xuân (giai đoạn 3)”. Lãi suất đang áp dụng 10,8% năm. Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại phường An Lạc, quận Bình Tân, TP.HCM.
- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, Hợp đồng số 89 ngày 26/06/2014, với hạn mức là 200 tỷ đồng. Khoản vay này được dùng để đầu tư dự án Cao ốc An Lạc Plaza. Thời hạn vay là 4 năm, lãi suất áp dụng là lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng + biên độ 3,5%/năm.
- Khoản vay 150 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Quân đội, Hợp đồng số 90 ngày 26/06/2014, dùng để tài trợ cho Khu dân cư 11A và Khu Trung tâm Dân cư Tân Tạo. Thời hạn vay là 5 năm, lãi suất áp dụng là lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng + biên độ 3,5%/năm.
 - ✓ Công ty sử dụng quyền sử dụng đất tại số 158 đường An Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh, quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất của dự án Cao ốc An Lạc Plaza làm tài sản đảm bảo cho 02 Hợp đồng vay (số HĐ89 và HĐ90) tại Ngân hàng TMCP Quân Đội.
- Khoản vay tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín với hạn mức 200 tỷ đồng, thời hạn vay 5 năm, theo HĐ số LD1424800048 ngày 05/09/2014 được sử dụng để thực hiện đầu tư dự án “Khu định cư Phong Phú”. Lãi suất đang áp dụng là lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng + biên độ 3,2%/năm. Công ty đã thế chấp một phần diện tích đất của dự án khu định cư Phong Phú để đảm bảo khoản vay.
- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Chợ Lớn – PGD Bình Tân với hạn mức 40 tỷ đồng theo hợp đồng số LD1502100187 ngày 21/01/2015 được sử dụng trả tiền thuê đất dùng góp vốn vào Công ty TNHH TM và DV Siêu Thị An Lạc. Lãi suất đang áp dụng 6%/năm trên dư nợ ban đầu. Công ty thế chấp quyền tài sản phát sinh từ toàn bộ vốn góp của BCCI tại Công ty TNHH TM và DV Siêu Thị Big C An Lạc và quyền tài sản phát sinh từ 172.031,8m² đất tại khu dân cư 1 –Khu 11A .
- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Chợ Lớn – PGD Bình Tân với hạn mức 46 tỷ đồng theo hợp đồng số LD1502100188 ngày 21/01/2015 được sử dụng trả tiền thuê đất dùng góp vốn vào Công ty TNHH TM và DV Siêu Thị An Lạc. Lãi suất đang áp dụng 6%/năm trên dư nợ ban đầu. Công ty thế chấp quyền tài sản phát sinh từ toàn bộ vốn góp của BCCI tại Công ty TNHH TM và DV Siêu Thị Big C An Lạc và quyền tài sản phát sinh từ 172.031,8m² đất tại khu dân cư 1 –Khu 11A .

16. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH TM XD Việt Long	1.705.726.571	1.705.726.571	1.705.726.571	1.705.726.571
XN Xây dựng công trình cảng	2.248.928.644	2.248.928.644	2.258.928.644	2.258.928.644
Phải trả người bán tại KCN Lê Minh Xuân	2.258.504.742	2.258.504.742	3.658.659.242	3.658.659.242
Phải trả các đối tượng khác	8.417.154.964	8.417.154.964	9.418.307.707	9.418.307.707
Cộng	14.630.314.921	14.630.314.921	17.041.622.164	17.041.622.164

b. Dài hạn

	Cuối quý		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng công ty XD số 1 - CCI	50.316.068.735	50.316.068.735	50.316.068.735	50.316.068.735
Phải trả các đối tượng khác	1.661.687.264	1.661.687.264	2.435.912.697	2.435.912.697
Cộng	51.977.755.999	51.977.755.999	52.751.981.432	52.751.981.432

c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

CHỈ TIÊU	Số đầu năm	Lũy kế số phải nộp trong kỳ	Lũy kế số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế	(315.665.038)	2.404.620.118	4.576.796.197	(2.487.841.117)
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.318.636.477	283.980.710	1.849.491.417	(246.874.230)
- Thuế GTGT VP Cty	1.097.588.996	(273.652.929)	1.172.199.872	(348.263.805)
- Thuế GTGT khu LMX	221.047.481	557.633.639	677.291.545	101.389.575
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.241.270.726)	18.671.079	131.613.588	(2.354.213.235)
Bất động sản (25%)+ HĐ khác				
Tiền độ 1%	(2.241.270.726)	18.671.079	131.613.588	(2.354.213.235)
Thuế thu nhập cá nhân	541.032.405	1.924.629.719	2.415.287.594	50.374.530
Tiền thuế nhà đất				
Tiền sử dụng đất				

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý 1/2015**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế tài nguyên (Công ty)	35.533.006	100.172.930	103.193.188	32.512.748
Thuế tài nguyên (KCN LMX)	30.403.800	73.165.680	73.210.410	30.359.070
Thuế môn bài		4.000.000	4.000.000	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		65.138.700	65.138.700	
Cộng	(315.665.038)	2.469.758.818	4.641.934.897	(2.487.841.117)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí lãi vay	3.857.846.288	2.728.423.359
Chi phí phải trả khác	530.273.092	108.181.818
Chi phí phải trả tại KCN LMX	2.671.851.931	2.671.851.931
Cộng	7.059.971.311	5.508.457.108

b. Dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí còn phải trả các dự án đầu tư	102.795.630.745	104.981.865.459
Cộng	102.795.630.745	104.981.865.459

19. Phải trả khác**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khoản phải trả khác		20.800.000.000
Cổ tức phải trả cho các Cổ đông	73.525.644.600	73.525.644.600
Phải trả khác - KCN Lê Minh Xuân	15.889.671.145	15.106.080.441
Cộng	89.415.315.745	109.431.725.041

b. Dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khoản phải trả khác	119.797.431.722	119.347.594.797
Phải trả Công ty cổ phần BCI	49.200.000.000	49.200.000.000
Cộng	168.997.431.722	168.547.594.797

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Doanh thu chưa thực hiện**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện các dự án của Công ty BCCI	193.096.075.855	191.283.500.967
Doanh thu chưa thực hiện KCN LMX		
Cộng	193.096.075.855	191.283.500.967

b. Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện các dự án của Công ty BCCI	192.155.944.111	191.785.234.915
Doanh thu chưa thực hiện KCN LMX	210.032.451.433	212.197.345.295
Cộng	402.188.395.544	403.982.580.210

21. Trái phiếu phát hành**22. Cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả****23. Dự phòng phải trả****24. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	223.137.362	238.499.853
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(15.362.491)	141.156.331

25. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	201.600.000.000	201.600.000.000
Vốn góp của các cổ đông	521.070.000.000	521.070.000.000
Cộng	722.670.000.000	722.670.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	72.267.000	72.267.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	72.267.000	72.267.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	72.267.000	72.267.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý 1/2015**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

26. Chênh lệch đánh giá lại tài sản**27. Chênh lệch tỷ giá**

	<u>Số cuối quý này</u>	<u>Số quý trước</u>
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại khoản nợ bằng Đô la (USD)	346.710.000	716.625.000

28. Nguồn kinh phí**29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối**

Nợ khó đòi đã xử lý: 2.469.845.243 đồng

30. Các thông tin khác**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>QUÝ 4/15</u>	<u>QUÝ 4/14</u>	<u>Lũy kế đến Q4/15</u>	<u>Lũy kế đến Q4/14</u>
Bán nền các khu dân cư, căn hộ chung cư	4.000.303.925	56.785.089.039	4.000.303.925	56.785.089.039
Hoạt động môi giới bất động sản		18.181.818		18.181.818
Hoạt động dịch vụ sàn giao dịch	439.501		439.501	
Cho thuê mặt bằng	860.288.930	640.418.036	860.288.930	640.418.036
Cung cấp dịch vụ điện, nước...cho dự án	4.076.512.266	3.324.143.616	4.076.512.266	3.324.143.616
Hoạt động CQSDĐ tại KCN Lê Minh Xuân	2.781.461.872	3.000.052.196	2.781.461.872	3.000.052.196
Hoạt động khác và cung cấp dịch vụ tại KCN LMX	10.379.931.594	9.855.512.139	10.379.931.594	9.855.512.139
Cộng	22.098.938.088	73.623.396.844	22.098.938.088	73.623.396.844

2. Các khoản giảm trừ doanh thu**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>QUÝ 4/15</u>	<u>QUÝ 4/14</u>	<u>Lũy kế đến Q4/15</u>	<u>Lũy kế đến Q4/14</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Quý 1/2015**

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bán nền các khu dân cư, căn hộ chung cư	1.385.626.073	45.486.612.100	1.385.626.073	45.486.612.100
Cung cấp dịch vụ điện, nước...cho dự án	1.661.159.916	908.245.291	1.661.159.916	908.245.291
Hoạt động CQSDĐ tại KCN Lê Minh Xuân	680.088.127	679.319.636	680.088.127	679.319.636
Hoạt động khác và cung cấp dịch vụ tại KCN LMX	5.366.839.950	5.336.051.374	5.366.839.950	5.336.051.374
Cộng	9.093.714.066	52.410.228.401	9.093.714.066	52.410.228.401

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>QUÝ 4/15</u>	<u>QUÝ 4/14</u>	<u>Lũy kế đến Q4/15</u>	<u>Lũy kế đến Q4/14</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trái phiếu	995.595.750	2.918.424.309	995.595.750	2.918.424.309
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.800.000.000		22.800.000.000	
Doanh thu hoạt động tài chính - KCN LMX		29.555		29.555
Cộng	23.795.595.750	2.918.453.864	23.795.595.750	2.918.453.864

5. Chi phí tài chính

	<u>QUÝ 4/15</u>	<u>QUÝ 4/14</u>	<u>Lũy kế đến Q4/15</u>	<u>Lũy kế đến Q4/14</u>
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	3.084.590.329	2.391.561.783	3.084.590.329	2.391.561.783
Chi phí tài chính khác	16.712.881		16.712.881	
Chênh lệch tỷ giá		(13.636.350)		(13.636.350)
Hoàn nhập/ dự phòng đầu tư chứng khoán	(38.533.885)	(79.560.000)	-38.533.885	(79.560.000)
Dự phòng ĐTDH - Công ty BCI		374.993.842		374.993.842
Dự phòng ĐTDH - Công ty TNHH ĐTPT BCCI				
Cộng	3.062.769.325	2.673.359.275	3.062.769.325	2.673.359.275

6. Thu nhập khác

	<u>QUÝ 4/15</u>	<u>QUÝ 4/14</u>	<u>Lũy kế đến Q4/15</u>	<u>Lũy kế đến Q4/14</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	127.365.709	103.206.788	127.365.709	103.206.788
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định				
Thu khác + KCN LMX	17.368.530	144.242.229	17.368.530	144.242.229
Cộng	144.734.239	247.449.017	144.734.239	247.449.017

7. Chi phí khác**8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp****a. Chi phí bán hàng**

	<u>QUÝ 4/15</u>	<u>QUÝ 4/14</u>	<u>Lũy kế đến Q4/15</u>	<u>Lũy kế đến Q4/14</u>
Chi phí lương nhân viên bán hàng				

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí dịch vụ mua ngoài	343.248.516	757.644.199	343.248.516	757.644.199
Cộng	343.248.516	757.644.199	343.248.516	757.644.199

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>QUÝ 4/15</u>	<u>QUÝ 4/14</u>	<u>Lũy kế đến Q4/15</u>	<u>Lũy kế đến Q4/14</u>
Chi phí lương nhân viên quản lý	7.049.855.579	6.492.411.032	7.049.855.579	6.492.411.032
Chi phí vật dụng văn phòng	9.135.707	68.241.269	9.135.707	68.241.269
Khấu hao tài sản cố định	377.185.433	550.588.590	377.185.433	550.588.590
Thuế, phí và lệ phí	417.899.325	1.139.988.574	417.899.325	1.139.988.574
Chi phí dịch vụ mua ngoài	322.798.881	346.844.358	322.798.881	346.844.358
Chi phí có tính chất phúc lợi cho NLD				
Chi phí bằng tiền khác	1.042.161.904	947.166.154	1.042.161.904	947.166.154
Chi phí QLDN KCN LMX	381.270.225	584.635.567	381.270.225	584.635.567
Cộng	9.600.307.054	10.129.875.544	9.600.307.054	10.129.875.544

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**10. Chi phí thuế thu nhập hiện hành**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho công ty là 22%, trong năm 2014 và quý 1 năm 2015 Công ty còn được chuyển lỗ từ các năm trước.

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm****3. Thông tin về các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch Q4/14 (đồng)
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.445.173.460
Công ty TNHH TM và DV Siêu thị Big C An Lạc	Công ty liên kết	Nhận cổ tức	22.800.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư và Bất động sản Sài Gòn Châu Á	Công ty liên kết		Không phát sinh
Công ty TNHH Cao Ốc Xanh	Công ty liên kết		Không phát sinh

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Thông tin so sánh
6. Thông tin về hoạt động liên tục
7. Những thông tin khác

TP. HCM, ngày 15 tháng 5 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

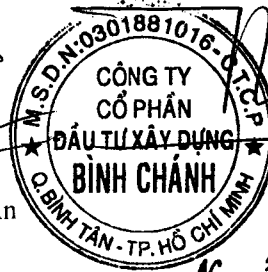
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Kim Phụng



Nguyễn Dương An



Nguyễn Thụy Nhân

Số : 226 /CV.BCCI.KT
V/v: Giải trình kết quả hoạt động kinh
doanh Công ty mẹ quý I/2015

TP.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2015

Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước ;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

- Căn cứ luật chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội khóa XI thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thực hiện về việc công bố thông tin định kỳ của tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh - BCCI (mã chứng khoán: BCI) giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của Công ty trong quý I/2015 theo báo cáo tài chính Công ty mẹ tăng so với quý I/2014 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Quý I/2015 (đồng)	Quý I/2014 (đồng)	Tỷ lệ thay đổi
A	B	(1)	(2)	(3)={ (1)-(2) } / (2)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.098.938.088	73.623.396.844	-70%
2	Lợi nhuận gộp	13.005.224.022	21.213.168.443	-39%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	23.795.595.750	2.918.453.864	715%
4	Lợi nhuận sau thuế	23.923.866.625	10.818.192.306	121%

Lợi nhuận sau thuế quý I/2015 tăng 121% (13 tỷ đồng) so với quý I/2014 mặc dù lợi nhuận gộp giảm 39% (8 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2014. Điều này chủ yếu do hoạt động liên doanh của BCCI với Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Siêu thị An Lạc (EBA) đã mang về cho Công ty 22,8 tỷ đồng cổ tức năm 2014 được chia trong quý I/2015.

Trân trọng.

KQ, TỔNG GIÁM ĐỐC



Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu (VT, TCKT)

PHO TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Kim Thoa